

Số: 280/QĐ-UB

TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 1984

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ

Về công tác kiểm soát và quản lý người nhập, xuất và quá cảnh TP.Hồ Chí Minh.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1983;
- Căn cứ Nghị định số 83/CP ngày 10 tháng 6 năm 1961 của Hội đồng Chính phủ về việc người nước ngoài xin nhập, xuất và quá cảnh nước Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 390/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 10 năm 1959 về việc cấp hộ chiếu và thị thực;
- Xét tình hình thực tế về người nhập, xuất, quá cảnh thành phố nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia và bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn của thành phố;
- Theo đề nghị của Sở Ngoại vụ, Công an thành phố, sân bay Tân Sơn Nhất và Cảng Sài Gòn;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo Quyết định này Bản quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về công tác kiểm soát và quản lý người nhập, xuất và quá cảnh thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2.- Bản quy định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và bãi bỏ quy chế tạm thời về thể lệ quá cảnh của khách nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 14 tháng 11 năm 1981.

Điều 3.- Các đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.-

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
K/T Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Lê Quang Chánh

QUY ĐỊNH
Về công tác kiểm soát và quản lý
người nhập, xuất và quá cảnh
thành phố Hồ Chí Minh.

(Ban hành kèm theo QĐ số 280/QĐ-UB ngày 18 tháng 10 năm 1984
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh).

Chương I

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1.- Người Việt Nam và người nước ngoài nhập, xuất và quá cảnh thành phố Hồ Chí Minh phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước của công dân mang hộ chiếu cấp và có thị thực do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Phải làm đủ các thủ tục theo quy định do cơ quan cấp thị thực hướng dẫn. Thị thực của Việt Nam gồm các loại sau đây:

- Thị thực nhập cảnh;
- Thị thực xuất cảnh;
- Thị thực xuất nhập cảnh (một hoặc nhiều lần);
- Thị thực nhập xuất cảnh (một hoặc nhiều lần);
- Thị thực quá cảnh.

Điều 2.- Những trường hợp không có thị thực nhưng được phép nhập, xuất và quá cảnh thành phố:

- a) Công dân của các nước có Hiệp định bãi miễn thị thực với Việt Nam (xem phụ lục kèm theo);
- b) Một số trường hợp đặc biệt do yêu cầu tranh thủ ngoại giao được Bộ Ngoại giao hoặc Sở Ngoại vụ thành phố đề nghị;
- c) Những người xuất cảnh khỏi Việt Nam theo diện sum họp gia đình, làm ăn sinh sống, có giấy phép xuất cảnh hoặc giấy thông hành của Bộ Nội vụ cấp.

Ngoài các trường hợp trên đây, những người khác không có thị thực của Việt Nam chỉ được lưu lại ở khu vực cách ly của sân bay, bến cảng, tuyệt đối

không được nhập vào thành phố nếu không được phép của Ủy ban nhân dân thành phố. Sở Ngoại vụ và Công an cửa khẩu thực hiện như quy định ở điều 7 và 8 Chương II.

Điều 3.- Người quá cảnh thành phố là người từ nước ngoài vào thành phố để chờ phương tiện giao thông đi đến nước thứ ba. Quá cảnh gồm hai trường hợp:

a) Quá cảnh có thị thực được vào thành phố và tạm trú tại các khách sạn dành cho khách quốc tế theo thời hạn quy định trong thị thực. Thời hạn cho người quá cảnh lưu lại thành phố thường là một, hai ngày, nhiều nhất là mười lăm ngày cho cả đi lẫn về.

b) Quá cảnh không có thị thực không được vào thành phố, chỉ lưu lại ở sân bay, Cảng hoặc một nơi nào khác do Sở Ngoại vụ và Công an cửa khẩu quy định và phải rời khỏi lãnh thổ Việt Nam trong thời hạn sớm nhất. Nếu muốn lưu lại Việt Nam, phải làm thủ tục xin thị thực theo đúng quy định.

Không được xem là quá cảnh trường hợp người từ nước ngoài nhập cảnh thành phố để đi các tỉnh hoặc để chuyển máy bay ra Hà Nội và ngược lại từ Hà Nội vào các tỉnh đến thành phố chờ phương tiện để đi ra nước ngoài.

Chương II

THỦ TỤC KIỂM SOÁT - SÂN BAY

BẾN CẢNG VÀ XỬ LÝ CÁC VIỆC XẢY RA

Điều 4.- Công an cửa khẩu có trách nhiệm kiểm tra hộ chiếu hoặc những giấy tờ có giá trị tương đương và các thị thực, của những người nhập, xuất và quá cảnh. Những người vi phạm Điều 1 Chương I và mọi trường hợp khác cần giữ lại, Công an cửa khẩu phải báo ngay cho Sở Ngoại vụ biết để bàn biện pháp xử lý.

Điều 5.- Sân bay Tân Sơn Nhất và Cảng Sài Gòn cần quy định khu vực cách ly dành riêng cho khách quá cảnh không có thị thực như Phòng đợi, nơi ăn uống, nơi bán hàng lưu niệm, nhà kho để gửi hành lý.

Điều 6.- Công an cửa khẩu có trách nhiệm thu hồi hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị tương đương đã hết hiệu lực và hai tờ đơn xin thị thực (nếu có) của đương sự có dán hình (do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp) và chuyển cho các cơ quan chức năng để quản lý và lưu trữ.

Điều 7.- Những người không có thị thực phải được Sở Ngoại vụ xem xét việc truy cấp thị thực. Trong vòng hai mươi bốn tiếng, đương sự hoặc cơ quan mời khách phải đến Sở Ngoại vụ để giải quyết thủ tục. Hồ sơ xin truy cấp thị thực gồm có:

- Công hàm (nêu là viên chức, nhân viên nước ngoài có cơ quan đại diện tại thành phố).

- Công văn của Sở, Ban, Ngành cấp thành phố có ý kiến phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Công văn của cấp Bộ, Tổng cục, Ủy ban các tỉnh, thành phố khác do đại diện có thẩm quyền ở cấp Bộ, Tổng cục, Ủy ban tỉnh, thành ký.

- Hộ chiếu của đương sự.

- Ba bản khai theo mẫu in sẵn của Sở Ngoại vụ.

- Ba tấm hình cỡ 4 x 6.

Điều 8.- Công an cửa khẩu chỉ được cấp giấy phép tạm thời cho vào thành phố trong các trường hợp sau đây:

a) Các thành viên tổ lái máy bay nước ngoài, thủy thủ nước ngoài với yêu cầu là phải có giấy tờ hợp lệ, có chức vụ rõ ràng, đã ghi trong danh sách tổ lái máy bay hoặc đoàn thủy thủ của tàu, muốn vào thành phố không quá tám tiếng đồng hồ, nếu quá tám tiếng đồng hồ phải được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép.

b) Những người quá cảnh thời gian ngắn, chờ máy bay, tàu thủy nhưng bị bệnh, bác sĩ Việt Nam xác nhận cần phải đến bệnh viện trong thành phố điều trị.

c) Những người quá cảnh không có thị thực, nếu chờ máy bay trên sáu tiếng đồng hồ, khách yêu cầu tìm khách sạn nghỉ ngơi trong tình hình sân bay Tân Sơn Nhất chưa có khách sạn, Công an cửa khẩu sân bay có thể cấp giấy phép tạm thời cho đến nghỉ ở khách sạn Tân Bình. Trong trường hợp này, sân bay Tân Sơn Nhất có trách nhiệm tổ chức xe đưa đón khách và những người khách quá cảnh này được bố trí ở cách ly với khách nội địa.

Nếu ở Cảng Sài Gòn, người quá cảnh ở lại trên tàu thời hạn bốn mươi tám tiếng đồng hồ thì không cần thị thực. Trong trường hợp này, khách quá cảnh có thể xuống tàu và đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi trong khu vực cách ly của Cảng.

Không được xem là quá cảnh những người tự ý đi theo máy bay, tàu biển vào lãnh thổ, lãnh hải Việt Nam mà không phải là thành viên tổ lái, đoàn thủy thủ, không có đủ giấy tờ tùy thân chứng minh là người đó đi đến một nước thứ ba.

d) Những trường hợp nêu ở các mục a, b và c trên đây, Công an cửa khẩu đều phải thông báo cho Sở Ngoại vụ và Công an thành phố biết.

Chương III

THỦ TỤC HẢI QUAN

Điều 9.- Khi kiểm tra hành lý, phát hiện có hàng cấm nhập, cấm xuất hoặc hàng xuất, nhập chưa làm đầy đủ, chưa đúng thủ tục cần lập biên bản rõ ràng. Trường hợp biện pháp xử lý của Hải quan đưa đến việc khách không xuất, nhập cảnh được, Hải quan phải báo cáo cho Sở Ngoại vụ Ban Giám đốc Sân bay và

Cảng biển biết đề cùng bàn cách giải quyết. Trường hợp đặc biệt, phải thỉnh thị ý kiến Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Chương IV

ĐĂNG KÝ LƯU TRÚ VÀ ĐI LẠI

Điều 10.- Những người mang hộ chiếu ngoại giao hoặc những người được Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam cấp thị thực ngoại giao hoặc được đối xử như người có thân phận ngoại giao đăng ký tại Sở Ngoại vụ. Những người không thuộc diện nói trên đăng ký tại Công an thành phố.

Cơ quan chủ quản, Công ty Du lịch có thể giúp đỡ sự đưa hộ chiếu đi đăng ký.

Điều 11.- Sở Ngoại vụ có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Công an thành phố danh sách những người đăng ký ở Sở Ngoại vụ để phối hợp quản lý về mặt an ninh.-

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
K/T Chủ tịch
Phó Chủ tịch

Lê Quang Chánh

BẢNG KÊ DANH SÁCH CÁC NƯỚC KÝ HIỆP ĐỊNH
BÃI MIỄN THỊ THỰC VỚI VIỆT NAM (1)

Số TT	Tên nước	Hộ chiếu ngoại giao	Hộ chiếu công vụ	Hộ chiếu PT đi công vụ	Hộ chiếu Du lịch	Hộ chiếu thể thao	Thẻ thuyền viên
01	Liên Xô	miễn	miễn	miễn	miễn	miễn	miễn
02	CHDCND Triều Tiên	miễn	miễn	miễn	không	không	không
03	Mông Cổ	miễn	miễn	miễn	không	không	không
04	An Ba Ni	miễn	miễn	không	không	không	không
05	Ru Ma Ni	miễn	miễn	miễn	không	không	không
06	Hung ga ri	miễn	miễn	miễn	không	không	không
07	Tiếp Khắc	miễn	miễn	Không (2)	không	không	không
08	Ba Lan	miễn	miễn	miễn	không	không	không
09	CHDC Đức	miễn	miễn	miễn	không	không	không
10	Bun ga ri	miễn	miễn	miễn	không	không	không
11	Cu Ba	miễn	miễn	miễn	miễn	miễn	miễn
12	Lào	miễn	miễn	miễn (3)	không	không	không
13	Campuchia	miễn	miễn	miễn (3)	miễn	không	không
14	Nicaragoa	miễn	miễn	không	không	không	không

(1): Danh sách này còn có thể thay đổi tùy theo tình hình quan hệ giữa Việt Nam và các nước

(2): Nếu có công hàm của Bộ Ngoại giao VN kèm theo 02 bản danh sách gửi trước cho Đại sứ quán Tiệp Khắc thì loại hộ chiếu này sẽ được miễn thị thực.

(3): Các loại giấy thông hành ngoại giao và công vụ được miễn thị thực.-